

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 301 /KH-SNN

Hưng Yên, ngày 11 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Sản xuất nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2024

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2023

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Sản xuất nông nghiệp năm 2023 diễn ra trong điều kiện gặp nhiều khó khăn thách thức về diễn biến bất thường của thời tiết, khí hậu làm thay đổi nhu cầu và phương thức tiêu dùng; cộng thêm xung đột của Nga - Ukraine có những diễn biến ngày càng phức tạp làm đứt gãy các chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp làm tăng giá vật tư đầu vào; giá xăng dầu, giá cả hàng hóa, lương thực, thực phẩm; làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất, dân sinh trên địa bàn tỉnh; ngành nông nghiệp và PTNT tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các dự án, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, có hiệu quả theo hướng an toàn và bền vững.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; ngành Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng mới theo hướng chuyển từ số lượng sang chất lượng, giá trị theo chuỗi liên kết, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất trên quy mô lớn hơn, có sự liên kết với doanh nghiệp,... tạo sản phẩm hàng hóa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; góp phần gia tăng tốc độ tăng trưởng nông nghiệp, thủy sản, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, tạo thêm nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.

Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản năm 2023 ước đạt 14.053,2 tỷ đồng, tăng trưởng 2,40% so với năm 2022; trong đó nông nghiệp ước đạt 12.452 tỷ đồng, tăng 2,19%; thủy sản 1.591,3 tỷ đồng, tăng 4,0% so với năm 2022.

1. Kết quả đạt được

1.1. Về sản xuất nông nghiệp

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Đã tích cực chuyển đổi cơ cấu thời vụ, giống cây trồng theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Diện tích gieo trồng lúa ước đạt 50.301 ha, đạt 100,2% kế hoạch giao (MT: 50.180ha), giảm 5,45% so với năm 2022, năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 63,06 tạ/ha, đạt 100,7% so với kế hoạch (MT: 62,56 tạ/ha), tăng 0,01% so năm 2022, lúa chất lượng cao đạt 35.309ha, chiếm 70,1% diện tích, tương đương so với năm 2022. Diện tích cây ăn quả năm 2023 ước đạt khoảng 14.629ha, đạt 94,3% kế hoạch giao (MT: 15.508 ha), giảm 0,3% so với năm 2022; trong đó diện tích, sản lượng một số cây trồng chủ yếu:

nhân 4.815ha (tăng 0,38%), sản lượng ước đạt 34.050 tấn, giảm 31,26% so với năm 2022; vải 1.269ha, tăng 3,59% so với năm 2022, sản lượng ước đạt 15.480 tấn, tăng 8,12% so với năm 2022; cam 1.845ha, giảm 6,34% so với năm 2022, sản lượng ước đạt 21.342 tấn, giảm 3,3% so với năm 2022; chuối 2.608ha, giảm 4,65%, sản lượng ước đạt 86.623 tấn, tăng 20,9%;...

Chăn nuôi nhìn chung ổn định; tổng đàn trâu, bò ước đạt 36.800 con, đạt 97,34% kế hoạch giao (MT: 37.800 con), tăng 7% so với năm 2022; tổng đàn lợn: 511.000 con, đạt 102,4% kế hoạch giao (MT: 499.000 con), tăng 0,9% so với năm 2022; đàn gia cầm 9,7 triệu con, đạt 100,8% kế hoạch giao (MT: 9,65 triệu con) tăng 9,8% so với năm 2022. Chất lượng con giống được nâng cao theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả; trong đó: đàn lợn 100% là lợn nạc và siêu nạc; 100% đàn bò được Sind hóa (trong đó tỷ lệ đàn bò lai 3 máu đạt trên 40%), đàn gà Đông tảo và Đông tảo lai chiếm trên 35%. Hình thức và quy mô chăn nuôi chuyển dần theo hướng giảm chăn nuôi quy mô nông hộ, tăng chăn nuôi quy mô trang trại đảm bảo an toàn sinh học (ATSH), an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường gắn với Luật chăn nuôi.

Các hoạt động nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 ước đạt 5.216ha, giảm 0,3%; sản lượng thủy sản năm 2023 ước đạt 53.182 tấn, đạt 4,9%% kế hoạch (MT: 41.230 tấn), tăng 3,9% so với năm 2022.

Công tác dự tính, dự báo, phòng trừ sâu bệnh hại, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHKT vào sản xuất, công tác XTMM được thực hiện có hiệu quả; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn tỉnh; công tác xúc tiến thương mại tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả.

1.2 Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Kinh tế hợp tác phát triển, đa dạng về hình thức và quy mô; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên năm 2023. Dự kiến cả năm 2023, thành lập mới được 20 HTX và 140 THT, duy trì và hướng dẫn mới 195 liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đánh giá, xếp loại được 28-39 sản phẩm OCOP (6 tháng đầu năm 2023, đã thành lập mới được 11 HTX, 15 THT, duy trì 190 liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và hướng dẫn 04 cơ sở sản xuất nâng hạng sản phẩm OCOP), góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập và từng bước cải thiện đời sống nông dân.

- Công tác thủy lợi, đề điều được quan tâm, các giải pháp về công tác thủy lợi được triển khai khá đồng bộ, tổ chức theo dõi sát diễn biến thời tiết, nguồn nước và chỉ đạo triển khai các giải pháp, vận hành hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Triển khai Kế hoạch Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023; tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “xây dựng tuyến đề kiểu mẫu” và Hạt “quản lý đề điển hình”, đang triển khai thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng đề điều năm 2023; triển khai Đề án nâng cao hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; đang triển khai thực hiện các gói thầu thuộc các dự án đầu tư của ngành như: Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội

đồng và hệ thống kênh Nghè Mạc, huyện Yên Mỹ; Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường và kênh sau đầu mỗi trạm bơm Sài Thị, huyện Khoái Châu; Dự án Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ Km117+900 đến Km127+000);...

- Về xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, nhất là xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn ứ đạt 96,2%. Dự kiến cả năm 2023: có thêm 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Một số Tồn tại, hạn chế

- Các HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực còn yếu về quản lý tài chính, thị trường; phát triển kinh tế trang trại ở một số nơi còn tự phát, gây khó khăn trong quản lý dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái,...

- Ô nhiễm môi trường nước có xu hướng gia tăng, nhất là các địa phương có khu công nghiệp, làng nghề sản xuất và chế biến các sản phẩm nông sản,...ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý, người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về an toàn thực phẩm còn chưa cao; việc triển khai kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP ở các địa phương còn chậm.

- Vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; nhất là vốn đầu tư cho phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Việc giải quyết các vi phạm đê điều, công trình thủy lợi ở một số địa phương không kiên quyết, dứt điểm, nhiều địa phương còn chủ quan trong công tác xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NĂM 2024.

Năm 2024, là năm thứ 4 cũng là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Trong bối cảnh kinh tế cả nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, thiên tai, dịch bệnh diễn biến bất thường; lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn vẫn tiếp tục được xem là trọng tâm chỉ đạo của tỉnh. Các nội dung về tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, nông nghiệp hữu cơ... được nhân rộng với quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị tạo đà cho tăng trưởng ngành nông nghiệp trong, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nền nông nghiệp có giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với

xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần đẩy nhanh phát triển nền kinh tế của tỉnh, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

2 Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2024:

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá cố định 2010) đạt 14.335,6 tỷ đồng (trong đó: nông nghiệp 12.665,6 tỷ đồng; lâm nghiệp 9,7 tỷ đồng; thủy sản 1.660,2 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng đạt 2,0%;

- Năng suất lúa bình quân đạt 62,0 tạ/ha/vụ;

- Tỷ lệ diện tích lúa chất lượng cao đạt 69-70%;

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Việt Nam là 98%;

- 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 30% số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về sự cần thiết và tầm quan trọng về tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đến các cấp, các ngành, các địa phương và người dân; thay đổi, thống nhất nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2021-2025; Chương trình hành động và kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030;...

2. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã được phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hiện, nhất là sự thống nhất, tích hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, đe dọa đến sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái. Tăng cường thanh tra đột xuất đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp; tập trung vào khâu buôn bán thuốc thú y, thuốc BVTV, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm về sử dụng chất cấm, lạm dụng thuốc BVTV, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2021-2025, Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

a) Về trồng trọt:

- Phát triển trồng trọt hiệu quả, bền vững, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực của tỉnh, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao vào sản xuất; Thực hiện chuyển đổi 950ha các loại cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây hàng năm, cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững. Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm sạch, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển sản xuất trồng trọt theo mô hình kinh tế tuần hoàn, nhất là chuỗi trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng hạn chế chất thải, biến chất thải của tiểu ngành này thành đầu vào chất lượng của tiểu ngành kia, qua đó giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm

b) Chăn nuôi:

Thực hiện quyết liệt tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi với các nội dung trọng tâm như tái cơ cấu chăn nuôi theo vùng, điều kiện sinh thái; cơ cấu lại đàn vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi, phương thức chăn nuôi và cơ cấu lại theo chuỗi giá trị.

Triển khai lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện Đề án "Phát triển chăn nuôi tuân thủ Luật Chăn nuôi; phát triển theo hướng chăn nuôi tập trung, kinh tế tuần hoàn, hướng hữu cơ và quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2023-2030, định hướng đến năm 2040"

Kiểm soát tốt dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tăng cường hoạt động kiểm dịch thú y; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế sản phẩm động vật.

c) Thủy sản:

Phát triển nuôi các đối tượng thủy sản tạo sản phẩm chủ lực theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái. Chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường vùng nuôi tập trung. Tiếp tục tập trung triển khai tổ chức thực hiện Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025.

4. Đẩy mạnh việc chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng hình thành các vùng chuyên canh tập trung và sản xuất hàng hoá nâng cao giá trị. Đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông nghiệp, thủy sản; tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác và tái cơ cấu ngành nông nghiệp và PTNT trên cơ sở gia tăng giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn lực, áp dụng khoa học công nghệ cả



chiều rộng lẫn chiều sâu Xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu, xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng KHCN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ địa bàn nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản; chuyển giao các tiến bộ KHCN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, bảo quản, chế biến nông sản, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung xây dựng và tổ chức triển khai các kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý; tiếp tục thực hiện hiệu quả Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai, hoàn thiện cơ chế chính sách, tổ chức để đảm bảo khai thác tối đa, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn nước, phục vụ có hiệu quả trong sản xuất, sinh hoạt và thúc đẩy phát triển bền vững các ngành kinh tế - xã hội (công nghiệp, du lịch, dịch vụ...) và không mâu thuẫn với nhu cầu phát triển lâu dài, trong đó ưu tiên thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các công nghệ mới, vật liệu mới, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ tiên tiến phục vụ công tác quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thủy lợi theo hướng hiện đại hóa, phát triển bền vững.

- Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung xây dựng và tổ chức triển khai các kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện gắn liền việc đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội với công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và xây dựng nông thôn mới, trong đó tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai (trạm bơm, kênh, đê điều, công trình nước sạch,...) đảm bảo phục vụ cấp nước, tiêu nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong phát triển dân sinh, kinh tế, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo, thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó thiên tai, sự cố.

6. Về xây dựng Nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

a) Về xây dựng nông thôn mới

Dự kiến năm 2024, có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 huyện nông thôn mới nâng cao.



- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM; phổ biến, quán triệt sâu rộng các chủ trương, chính sách về xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu cho cả hệ thống chính trị và mọi người dân nắm vững, tạo phong trào thi đua sôi nổi, xây dựng nông thôn mới mạnh mẽ, rộng khắp, lấy người dân là chủ thể thực hiện đạt kết quả cao, bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, ban hành và thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách liên quan đến xây dựng NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu nhất là các chính sách huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới; tăng cường phân cấp cho cấp xã và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân và cộng đồng trực tiếp tham gia thực hiện các chương trình, dự án trong xây dựng NTM.

- Tiếp tục tham mưu tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030; nâng cao vị thế và phát huy vai trò chủ thể của người nông dân; đạt mục tiêu nâng mức thu nhập của nông dân, nhất là nông dân sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh; khen thưởng, biểu dương kịp thời các tập thể, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp tích cực cho xây dựng NTM.

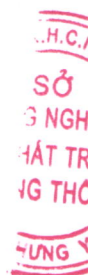
b) Nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống cư dân nông thôn

- Ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh nông thôn nhằm tăng thu nhập cho người dân nông thôn một cách bền vững, trong đó: Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã; đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế... Triển khai có hiệu quả Chương trình OCOP.

- Rà soát, bổ sung điều chỉnh cơ chế chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, như: các chính sách về phát triển giống, quy trình sản xuất, thâm canh, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn, nhất là hệ thống giao thông - thủy lợi nội đồng sau dồn thửa đổi ruộng; tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh....

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, đe dọa đến sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái. Tăng cường thanh tra đột xuất đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp; tập trung vào khâu buôn bán thuốc thú y, thuốc BVTV, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm về sử dụng chất cấm, lạm dụng thuốc BVTV, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường công tác XTTM, quảng bá các nông sản của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, tích cực



thâm nhập thị trường mới trong và ngoài nước cho các nông sản có lợi thế, thế mạnh của tỉnh; tiếp tục duy trì và phát triển các nhãn hiệu hàng hóa tập thể đã được bảo hộ, đồng thời phối hợp hỗ trợ, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa tập thể mới cho một số nông sản khác của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển sản xuất về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, thường xuyên phối hợp với Sở Lao động - TB&XH tham mưu đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát, điều tra, tổng hợp và lồng ghép các nguồn vốn xây dựng mô hình liên kết sản xuất nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

7. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, sử dụng phần mềm văn phòng điện tử trong hệ thống mạng nội bộ cơ quan, quy trình xử lý, trình, duyệt các văn bản theo chu trình giải quyết công việc; phần mềm quản lý cán bộ, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, áp dụng chữ ký số, phần mềm theo dõi chỉ đạo... Bố trí kinh phí và nâng cấp hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin cho Chi cục để đảm bảo thực hiện các phần mềm ứng dụng có hiệu quả.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị, bảo đảm tinh gọn bộ máy, có cơ cấu hợp lý, năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; mỗi một công chức viên chức giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; sắp xếp, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Quản lý biên chế gắn với vị trí việc làm; rà soát, hoàn thiện danh mục và bản mô tả vị trí việc làm

- Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho cơ sở, địa phương giải quyết nhanh các yêu cầu về đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2024; Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Sở Kế hoạch xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- P. KH-TC-TTNN;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuân

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2024 TỈNH HƯNG YÊN



(Kèm theo Kế hoạch số 301/KH-SNN ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Sở NN-PTNT)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN (Theo giá năm 2010)	Tỷ đồng	14.336	
	Trong đó: - Nông nghiệp	"	12.665	
	+ Trồng trọt	"	5.350	
	+ Chăn nuôi	"	7.125	
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	190	
	- Lâm nghiệp		9,7	
	- Thủy sản	"	1.660	
I	TRỒNG TRỌT			
1	Tổng diện tích trồng cây hàng năm	ha	66.350,0	
	Trong đó: Cây vụ đông	ha	6.150,0	
2	Tổng sản lượng lương thực	tấn	299.057,0	
	Trong đó: - Thóc	tấn	299.036,0	
	- Ngô	tấn	16.290,0	
3	Diện tích cây lương thực có hạt	ha	50.652,0	
	Lúa cả năm	ha	48.040,0	
	Năng suất	tạ/ha	62,25	
	Sản lượng	tấn	299.036,0	
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha	34.045,0	
3.1	Lúa đông xuân	ha	24.154,0	
	Năng suất	tạ/ha	66,1	
	Sản lượng	tấn	159.616,0	
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha	17.030,0	
3.2	Lúa mùa	ha	23.890,0	
	Năng suất	tạ/ha	58,4	
	Sản lượng	tấn	139.420	
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha	17.015,0	
3.3	Ngô cả năm	ha	2.612,0	
	Năng suất	tạ/ha	62,4	
	Sản lượng	tấn	16.290,0	
	Trong đó: Ngô đông	ha	1.140,0	
4	Diện tích cây có bột	ha	513,0	
	Khoai lang cả năm	ha	213,0	
	Năng suất	tạ/ha	180,0	
	Sản lượng	tấn	3.835,0	
	Khoai tây	ha	216,0	
	Năng suất	tạ/ha	165,3	
	Sản lượng	tấn	3.570,0	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	Cây có bột khác	ha	84,0	
5	Diện tích cây thực phẩm	ha	10.130,0	
+	Rau các loại	ha	10.045,0	
	Năng suất	tạ/ha	245,0	
	Sản lượng	tấn	246.103,0	
+	Cải các loại	ha	1.900,0	
	Năng suất	tạ/ha	230,0	
	Sản lượng	tấn	43.700,0	
+	Cà Chua	ha	350,0	
	Năng suất	tạ/ha	318,0	
	Sản lượng	tấn	11.130,0	
	Các loại rau khác	ha	7.795,0	
	Đậu các loại	ha	525,0	
	Năng suất	tạ/ha	24,8	
	Sản lượng	tấn	1.300,0	
6	Cây có hạt chứa dầu	Ha	1.121,0	
	Lạc cả năm	ha	610,0	
	Năng suất	tạ/ha	35,98	
	Sản lượng	tấn	2.195,0	
	Đậu tương cả năm	ha	362,0	
	Năng suất	tạ/ha	20,7	
	Sản lượng	tấn	750,0	
	Cây công nghiệp khác	ha	150,0	
7	Diện tích cây hàng năm khác	ha	3.300,0	
	Cây dược liệu	ha	921,0	
	Diện tích vườn hoa cây cảnh	ha	1.635,0	
	Diện tích làm thức ăn gia súc	ha	408,0	
	Diện tích cây hàng năm khác	ha	335,0	
8	Diện tích cây dâu	ha	-	
9	Diện tích cây ăn quả	ha	14.702,0	
	Cây có múi Diện tích	ha	3.827	
	Sản lượng	tấn	52.860	
	Chuối Diện tích	ha	2.457,0	
	Sản lượng	tấn	84.180,0	
	Nhãn Diện tích	ha	4.600,0	
	Sản lượng	tấn	48.530,0	
	Vải Diện tích	ha	1.442,0	
	Sản lượng	tấn	16.915,0	
	Cây ăn quả khác	tấn	2.376,0	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
10	Trồng cây nhân dân (trồng mới)		35.100,0	
	Cây lấy gỗ	1000 cây	4.600,0	
	Cây ăn quả	1000 cây	30.500,0	
II	CHĂN NUÔI			
1	Đàn trâu nghé	con	4.457,0	
2	Tổng đàn bò bê	con	32.370,0	
	Trong đó: Bò lai	con	29.345,0	
	Bò sữa	con	2.996,0	
3	Tổng đàn lợn (trừ lợn sữa)	con	445.040,0	
	Trong đó: Lợn nái	con	87.500,0	
	Lợn thịt	con	347.640,0	
4	Tổng đàn gia cầm	1000 con	8.809,0	
5	Sản phẩm chăn nuôi		138.892,0	
	Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng	tấn	94.730,0	
	Sản lượng thịt trâu, bò xuất chuồng	tấn	5.377,0	
	Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng	tấn	38.785,0	
	Sản lượng sữa tươi	tấn	9.556,0	
	Sản lượng trứng gia cầm	1000q	376.300,0	
III	NGÀNH THỦY SẢN			
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	4.650,0	
2	Tổng sản lượng thủy sản	tấn	40.703,0	

X.H.
SC
VG N
HẬT
NG T
HUNG



KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG CÂY TRỒNG TỈNH HUNG YÊN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 301 /KH-SNN ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Sở NN-PTNT)

Số TT	Các huyện, thị xã, thành phố	Diện tích gieo trồng (ha)		Diện tích cây được gieo (ha)	Sản lượng lương thực có hạt (tấn)			Sản lượng cây trồng khác (tấn)		
		Tổng số	Trong đó: Cây vụ đông		Tổng số	Trong đó		Lạc	Đậu tương	Đậu các loại
						Thóc	Ngô			
	Toàn tỉnh	66.350	6.150	921	305.191	299.036	16.290	2.195	750	1.300
1	Thành phố Hưng Yên	3.700	800	10	15.670	10.060	5.481	600	102	350
2	Huyện Văn Lâm	4.900	400	65	25.050	23.901	50	36	15	16
3	Thị xã Mỹ Hào	6.040	80	0	35.540	35.544	0	0	0	-
4	Huyện Yên Mỹ	2.710	300	0	10.308	10.309	457	0	0	10
5	Huyện Khoái Châu	7.000	600	700	18.270	18.270	3.150	1.050	420	200
6	Huyện Văn Giang	3.090	1.400	45	260	62	228	60	100	0
7	Huyện Ân Thi	13.483	670	6	74.858	74.130	728	5	0	130
8	Huyện Kim Động	8.010	600	80	36.650	38.850	2.108	263	29	418
9	Huyện Tiên Lữ	8.940	800	8	45.325	45.325	1.848	144	18	66
10	Huyện Phù Cừ	8.477	500	7	43.260	42.585	2.240	38	67	110



KẾ HOẠCH CHĂN NUÔI TỈNH HUNG YÊN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 301/KH-SNN ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Sở NN-PTNT)

Số TT	Các huyện, thị xã, thành phố	Tổng đàn				Diện tích nuôi trồng thủy sản	Sản lượng (tấn)		
		Đàn lợn (con)	Đàn Trâu (con)	Đàn bò (con)	Đàn gia cầm (1000 con)		Thịt hơi XC	Trong đó: Thịt Gia cầm	Sản lượng thủy sản
	Toàn tỉnh	465.040,0	4.457,0	32.370,0	8.809,0	4.650,0	138.892,0	38.785,9	40.702,0
1	Thành phố Hưng Yên	62.490,0	137,0	13.450,0	455,0	232,0	14.244,0	1.921,0	2.170,0
2	Huyện Văn Lâm	25.000,0	500,0	670,0	450,0	190,0	8.075,0	2.500,0	1.350,0
3	Thị xã Mỹ Hào	11.000,0	850,0	900,0	300,0	349,0	9.434,0	3.342,9	1.591,0
4	Huyện Yên Mỹ	21.650,0	550,0	1.100,0	1.150,0	200,0	11.440,0	6.800,0	1.400,0
5	Huyện Khoái Châu	100.000,0	350,0	1.700,0	1.500,0	800,0	22.600,0	5.500,0	7.000,0
6	Huyện Văn Giang	40.000,0	30,0	1.230,0	199,0	280,0	15.981,0	1.932,0	3.080,0
7	Huyện Ân Thi	49.000,0	650,0	2.000,0	1.200,0	880,0	18.740,0	6.310,0	8.800,0
8	Huyện Kim Động	30.400,0	200,0	4.920,0	1.155,0	309,0	10.828,0	3.580,0	3.111,0
9	Huyện Tiên Lữ	67.500,0	690,0	3.200,0	1.200,0	690,0	18.150,0	4.200,0	5.700,0
10	Huyện Phù Cừ	58.000,0	500,0	3.200,0	1.200,0	720,0	9.400,0	2.700,0	6.500,0